

**Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức
Vietranstimex – Trụ sở chính**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 29

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex - Trụ sở chính

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex ("Công ty") tiến hành hoạt động kinh doanh thông qua trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh ("Trụ sở chính") và các chi nhánh hạch toán độc lập tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 80-82 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Vào ngày 11 tháng 1 năm 2019, Công ty đã đăng ký thay đổi trụ sở chính tại Lầu 9 tòa nhà B&L Tower, Số 119 - 121 Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo này thể hiện tình hình hoạt động kinh doanh của Trụ sở chính.

CÔNG TY

Công ty, trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải ("BGTVT") ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Doanh nghiệp Nhà Nước đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và Trụ sở chính là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Hoàng Phương	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2019
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	từ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Duy Nghi	Thành viên	từ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2019
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	từ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Tường Minh	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2019
Ông Ông Văn Khương	Thành viên	từ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên	từ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2019

Vào ngày lập báo cáo này, Công ty không có Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ vào ngày 16 tháng 4 năm 2019.

**Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex -
Trụ sở chính**

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Hoàng Phương	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2019
Ông Hồ Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Xuân	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Đỗ Hoàng Phương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính Hồ Chí Minh (“Trụ sở chính”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Trụ sở chính có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Trụ sở chính sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Trụ sở chính, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Trụ sở chính và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đỗ Hoàng Phương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61345701-21094598-HO

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính (“Trụ sở chính”) được lập ngày 13 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Trụ sở chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Trụ sở chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Trụ sở chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1



Dương Thị Nữ
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 3796-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2020

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		171.770.996.760	177.251.714.472
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	9.864.463.951	37.638.475.959
111	1. Tiền		9.864.463.951	7.638.475.959
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	30.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	15.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	15.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		147.034.243.437	110.244.060.517
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	126.312.964.210	85.436.110.197
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	11.543.073.155	3.587.912.822
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	7	1.706.072.820	28.434.525.618
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	27.320.109.462	6.517.070.021
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 8	(19.847.976.210)	(13.731.558.141)
140	IV. Hàng tồn kho	9	14.383.811.922	14.155.235.836
141	1. Hàng tồn kho		14.383.811.922	14.155.235.836
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		488.477.450	213.942.160
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	488.477.450	213.942.160
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		119.509.371.561	103.341.482.259
210	I. Phải thu dài hạn	8	793.629.195	472.377.170
216	1. Phải thu dài hạn khác		793.629.195	472.377.170
220	II. Tài sản cố định		83.781.711.041	93.234.877.881
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	72.864.197.001	82.198.176.910
222	Nguyên giá		544.090.805.909	528.479.467.692
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(471.226.608.908)	(446.281.290.782)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	10.917.514.040	11.036.700.971
228	Nguyên giá		12.624.319.258	12.624.319.258
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.706.805.218)	(1.587.618.287)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	12	5.874.810.260	5.478.105.441
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.874.810.260	5.478.105.441
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		21.764.164.380	816.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh	13	816.000.000	816.000.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14	20.948.164.380	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.295.056.685	3.340.121.767
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	7.295.056.685	3.340.121.767
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		291.280.368.321	280.593.196.731

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		53.794.693.440	44.987.668.867
310	I. Nợ ngắn hạn		52.936.193.440	44.587.668.867
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	27.067.152.912	15.506.141.488
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	3.560.920.265	2.664.146.465
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	3.838.701.417	2.515.786.914
314	4. Phải trả người lao động	18	3.230.210.000	2.332.420.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	4.560.808.395	6.619.579.594
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	7	7.456.410.098	8.675.773.189
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	2.400.408.899	1.594.501.964
320	8. Vay ngắn hạn		-	3.000.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		821.581.454	1.679.319.253
330	II. Nợ dài hạn		858.500.000	400.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	258.500.000	-
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		600.000.000	400.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		237.485.674.881	235.605.527.864
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	237.485.674.881	235.605.527.864
411	1. Vốn cổ phần		209.723.210.000	209.723.210.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.257.068.213	15.257.068.213
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.352.597.635	5.352.597.635
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.152.799.033	5.272.652.016
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.018.777.630	967.981.808
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này		5.134.021.403	4.304.670.208
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		291.280.368.321	280.593.196.731

Cao Thị Hồng Nhung
Người lập

Thái Thị Ban Mai
Kế toán trưởng

Đỗ Hoàng Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2020

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

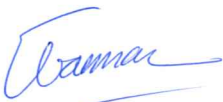
B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	258.389.601.627	221.183.610.539
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(229.539.382.324)	(195.031.374.009)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.850.219.303	26.152.236.530
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	1.867.307.122	4.086.082.008
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	24	(319.724.729) (166.472.040)	(574.172.607) (506.299.996)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(27.951.865.206)	(23.520.084.548)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.445.936.490	6.144.061.383
31	8. Thu nhập khác	26	4.000.193.257	319.111.159
32	9. Chi phí khác	26	(77.899.570)	(229.587.832)
40	10. Lợi nhuận khác		3.922.293.687	89.523.327
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.368.230.177	6.233.584.710
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(1.234.208.774)	(1.928.914.502)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.134.021.403	4.304.670.208


Cao Thị Hồng Nhung
Người lập


Thái Thị Ban Mai
Kế toán trưởng


Đỗ Hoàng Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.368.230.177	6.233.584.710
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	17.862.524.627	25.416.708.344
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập)		3.759.804.815	(22.357.200)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		75.492.384	46.253.108
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.490.384.031)	(3.542.815.279)
06	Chi phí lãi vay	24	166.472.040	506.299.996
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		23.742.140.012	28.637.673.679
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		(10.165.761.737)	(29.671.443.478)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		7.588.169.898	1.512.826.498
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(8.273.072.042)	19.772.964.210
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(1.526.154.858)	(220.190.365)
14	Tiền lãi vay đã trả		(164.913.298)	(514.037.826)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.419.521.615)	(1.880.804.299)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.162.248.426)	(830.341.598)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7.618.637.934	16.806.646.821
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(13.651.836.385)	(12.399.601.953)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		2.803.636.364	4.130.120.822
23	Tiền chi mua trái phiếu		(20.948.164.380)	-
24	Trái phiếu đáo hạn		15.000.000.000	25.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay		2.108.771.019	4.518.001.979
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(14.687.593.382)	21.248.520.848



Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính


B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		16.695.693.603	113.852.294.826
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(29.053.887.714)	(124.703.294.826)
36	Cổ tức đã trả		(8.339.973.000)	(25.088.339.520)
40	Lưu chuyển tiền sử dụng vào hoạt động tài chính		(20.698.167.111)	(35.939.339.520)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(27.767.122.559)	2.115.828.149
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		37.638.475.959	35.528.739.804
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(6.889.449)	(6.091.994)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	9.864.463.951	37.638.475.959


Cao Thị Hồng Nhung
Người lập


Thái Thị Ban Mai
Kế toán trưởng


Đỗ Hoàng Phương
Tổng Giám đốc



Ngày 13 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex (“Công ty”) tiến hành hoạt động kinh doanh thông qua trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh (“Trụ sở chính”) và các chi nhánh hạch toán độc lập tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Đà Nẵng.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 80-82 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam (“Trụ sở chính Đà Nẵng”). Vào ngày 11 tháng 1 năm 2019 Công ty đã đăng ký thay đổi trụ sở chính tại Tầng 9 tòa nhà B&L Tower, Số 119 - 121 Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo này thể hiện tình hình hoạt động kinh doanh của Trụ sở chính.

CÔNG TY

Công ty, trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải (“BGTVT”) ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Doanh nghiệp Nhà nước đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và Trụ sở chính là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Số lượng nhân viên của Trụ sở chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 233 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 227).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Trụ sở chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Trụ sở chính là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Trụ sở chính là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, nhiên liệu và công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - chi phí dịch vụ mua ngoài và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Trụ sở chính dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Trụ sở chính dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Trụ sở chính mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu trừ theo thời hạn của quyền sử dụng đất, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được khấu trừ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng, lắp đặt và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Trụ sở chính và được ghi nhận như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh mà trong đó Trụ sở chính có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Trụ sở chính có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Trụ sở chính đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Dự phòng chung

Trụ sở chính ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Trụ sở chính có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Trụ sở chính (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Trụ sở chính có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Trụ sở chính chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Trụ sở chính có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Trụ sở chính dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Trụ sở chính chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Trụ sở chính có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Trụ sở chính dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	208.928.000	-
Tiền gửi ngân hàng	9.655.535.951	7.638.475.959
Các khoản tương đương tiền (*)	-	30.000.000.000
TỔNG CỘNG	9.864.463.951	37.638.475.959

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	12.247.035.000	969.460.000
Bên khác	114.065.929.210	84.466.650.197
Cosco Logistics Kunming Co., Ltd	27.451.026.309	18.918.428.059
Công ty Cổ phần Beton 6	8.195.337.277	8.195.337.277
Chi nhánh Miền Trung Công ty Cổ phần		
Tập đoàn ĐTXDPT Đông Đô	6.759.000.000	-
Công ty Cổ phần IBS EC	5.040.189.119	10.040.189.119
Khác	66.620.376.505	47.312.695.742
TỔNG CỘNG	126.312.964.210	85.436.110.197
Dự phòng phải thu khó đòi	(18.447.976.210)	(12.331.558.141)
GIÁ TRỊ THUẦN	107.864.988.000	73.104.552.056

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
P and J Corporation Limited	3.003.290.550	-
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp		
Hàng hải Sài Gòn	2.275.476.451	-
Shanghai Supro Heavy Machinery and		
Equipment Co., Ltd	2.320.677.000	-
Công ty Cổ phần Cevina	-	715.000.000
EPC Global Shipping Company Limited	607.306.536	603.515.772
Khác	3.336.322.618	2.269.397.050
TỔNG CỘNG	11.543.073.155	3.587.912.822

7. PHẢI THU, PHẢI TRẢ NỘI BỘ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu	1.706.072.820	28.434.525.618
Chi nhánh Miền Nam (trước đây)	-	28.434.525.618
Chi nhánh Miền Trung	1.706.072.820	-
Phải trả	7.456.410.098	8.675.773.189
Chi nhánh Miền Bắc	7.456.410.098	8.675.773.189

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	27.320.109.462	6.517.070.021
Tạm ứng nhân viên	18.768.337.513	5.562.961.058
Chi hộ khách hàng	7.855.026.966	233.281.883
Phải thu lãi tiền gửi	146.739.726	568.763.078
Khác	550.005.257	152.064.002
Dài hạn	793.629.195	472.377.170
Ký quỹ, ký cược	793.629.195	472.377.170
TỔNG CỘNG	28.113.738.657	6.989.447.191
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	26.713.738.657	5.589.447.191
Trong đó:		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	3.680.000.000	-
<i>Bên khác</i>	24.433.738.657	6.989.447.191

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	10.494.383.521	9.099.782.512
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.889.428.401	4.721.839.317
Công cụ, dụng cụ	-	128.294.968
Hàng mua đang đi trên đường	-	205.319.039
TỔNG CỘNG	14.383.811.922	14.155.235.836

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	29.738.381.767	32.516.325.986	465.475.878.122	748.881.817	528.479.467.692
Mua trong năm	-	-	-	265.043.636	265.043.636
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	3.060.563.930	2.330.080.000 (7.351.353.141)	-	5.390.643.930 (7.351.353.141)
Thanh lý, nhượng bán	-	166.140.935	16.744.821.078	396.041.779	17.307.003.792
Nhận từ chi nhánh Miền Nam (trước đây)	29.738.381.767	35.743.030.851	477.199.426.059	1.409.967.232	544.090.805.909
Số cuối năm	415.941.455	31.287.452.321	380.138.572.965	970.363.596	412.812.330.337
Trong đó:					
Đã khấu hao hết					
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	(16.800.370.932)	(31.800.168.553)	(396.931.869.480)	(748.881.817)	(446.281.290.782)
Khấu hao trong năm	(2.103.693.092)	(577.969.235)	(14.963.732.159) 7.351.353.141	(97.943.210)	(17.743.337.696)
Thanh lý, nhượng bán	-	(61.020.298)	(14.198.195.939)	(294.117.334)	(14.553.333.571)
Nhận từ chi nhánh Miền Nam (trước đây)	(18.904.064.024)	(32.439.158.086)	(418.742.444.437)	(1.140.942.361)	(471.226.608.908)
Số cuối năm	12.938.010.835	716.157.433	68.544.008.642	-	82.198.176.910
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	10.834.317.743	3.303.872.765	58.456.981.622	269.024.871	72.864.197.001
Số cuối năm					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>10.678.204.185</u>	<u>1.946.115.073</u>	<u>12.624.319.258</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	1.246.847.073	1.246.847.073
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	(1.587.618.287)	(1.587.618.287)
Hao mòn trong năm		<u>(119.186.931)</u>	<u>(119.186.931)</u>
Số cuối năm		<u>(1.706.805.218)</u>	<u>(1.706.805.218)</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>10.678.204.185</u>	<u>358.496.786</u>	<u>11.036.700.971</u>
Số cuối năm	<u>10.678.204.185</u>	<u>239.309.855</u>	<u>10.917.514.040</u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đang được lắp đặt.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

<i>Tên công ty liên doanh</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	
		<i>Tỷ lệ sở hữu %</i>	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu %</i>	<i>Giá gốc VND</i>
Công ty TNHH Liên doanh BNX- Vietranstimex (i)	Vận tải	51	<u>816.000.000</u>	51	<u>816.000.000</u>

(i) Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex ("BNX-Vietranstimex") đã ngừng hoạt động theo biên bản thỏa thuận số VTT-BNX/2011-001 ngày 4 tháng 4 năm 2011. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, BNX-Vietranstimex đang tiến hành các thủ tục nhằm giải thể.

14. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện giá trị của hai mươi (20) trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco & More, có kỳ hạn gốc ba (3) năm, hiện hưởng lãi suất 10,4%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 21 tháng 6 năm 2021.

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	488.477.450	213.942.160
Chi phí sử dụng đường bộ	119.511.538	41.155.750
Chi phí bảo hiểm	1.909.093	10.780.748
Chi phí thuê mặt bằng	-	-
Chi phí khác	367.056.819	162.005.662
Dài hạn	7.295.056.685	3.340.121.767
Chi phí công cụ dụng cụ	3.101.207.800	160.891.150
Chi phí thuê đất	2.428.818.241	2.498.213.051
Sửa chữa lớn tài sản cố định	776.620.110	578.923.097
Khác	988.410.534	102.094.469
TỔNG CỘNG	<u>7.783.534.135</u>	<u>3.554.063.927</u>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	750.317.500	177.672.000
Bên khác	26.316.835.412	15.328.469.488
Công ty Cổ phần Đông Hải 27-7	7.886.103.372	5.939.457.193
Công ty CP Vận tải dầu Phương Đông Việt	1.761.849.725	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Thành Nhân	1.561.724.820	-
Công ty TNHH Vận tải Đường biển Đường bộ Minh Phương	1.390.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Công Thành	1.365.375.000	-
Công ty Cổ phần Hàng hải và Dịch vụ Kỹ thuật TJS	896.400.000	3.696.400.000
Khác	11.455.382.495	5.692.612.295
TỔNG CỘNG	<u>27.067.152.912</u>	<u>15.506.141.488</u>

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	2.137.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa Chất	920.502.500	-
Công ty TNHH Strategic Marine	-	1.730.120.000
Khác	503.417.765	934.026.465
TỔNG CỘNG	<u>3.560.920.265</u>	<u>2.664.146.465</u>

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	350.464.781	6.804.207.026	(4.454.593.361)	2.700.078.446
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.119.521.615	1.368.689.541	(2.419.521.615)	1.068.689.541
Thuế thu nhập cá nhân	45.800.518	881.264.021	(857.131.109)	69.933.430
Khác	-	122.596.061	(122.596.061)	-
TỔNG CỘNG	<u>2.515.786.914</u>	<u>9.176.756.649</u>	<u>(7.853.842.146)</u>	<u>3.838.701.417</u>

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thầu phụ	4.556.967.205	6.585.297.146
Khác	3.841.190	34.282.448
TỔNG CỘNG	<u>4.560.808.395</u>	<u>6.619.579.594</u>

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.400.408.899	1.594.501.964
Cổ tức phải trả	573.468.776	499.303.360
Kinh phí công đoàn	491.976.720	19.920
Khác	1.334.963.403	1.095.178.684
Dài hạn	258.500.000	-
Khác	258.500.000	-
TỔNG CỘNG	<u>2.658.908.899</u>	<u>1.594.501.964</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	816.000.000	816.000.000
<i>Phải trả bên khác</i>	1.842.908.899	778.501.964

**Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietransstimes -
Trụ sở chính**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					VND
Năm trước					
Số đầu năm	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	24.594.000.240	254.926.876.088
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	4.304.670.208	4.304.670.208
Trích lập các quỹ	-	-	-	(632.209.694)	(632.209.694)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(25.166.785.200)	(25.166.785.200)
Lợi nhuận chi nhánh	-	-	-	2.172.976.462	2.172.976.462
Số cuối năm	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	5.272.652.016	235.605.527.864
Năm nay					
Số đầu năm	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	5.272.652.016	235.605.527.864
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	5.134.021.403	5.134.021.403
Trích lập các quỹ	-	-	-	(304.510.627)	(304.510.627)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(8.388.928.400)	(8.388.928.400)
Nhận bàn giao từ chi nhánh Miền Nam (trước đây)	-	-	-	4.979.911.719	4.979.911.719
Lợi nhuận chi nhánh	-	-	-	459.652.922	459.652.922
Số cuối năm	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	7.152.799.033	237.485.674.881

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức đã công bố trong năm	8.388.928.400	25.166.785.200
Cổ tức đã trả trong năm	8.274.830.540	25.088.339.520

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	258.216.830.539	221.183.610.539
Doanh thu bán hàng hóa	172.771.088	-
TỔNG CỘNG	<u>258.389.601.627</u>	<u>221.183.610.539</u>

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.686.747.667	3.522.963.774
Lãi chênh lệch tỷ giá	180.559.455	563.118.234
TỔNG CỘNG	<u>1.867.307.122</u>	<u>4.086.082.008</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ	229.276.845.638	195.031.374.009
Giá vốn hàng bán	262.536.686	-
TỔNG CỘNG	<u>229.539.382.324</u>	<u>195.031.374.009</u>

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	166.472.040	506.299.996
Lỗ chênh lệch tỷ giá	153.252.689	67.872.611
TỔNG CỘNG	319.724.729	574.172.607

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	17.477.502.366	17.168.705.430
Chi phí đồ dùng văn phòng	283.806.952	602.249.169
Chi phí khấu hao và hao mòn	601.353.462	582.578.101
Dự phòng phải thu khó đòi	3.759.804.815	177.642.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.943.223.539	4.136.462.420
Khác	886.174.072	852.446.628
TỔNG CỘNG	27.951.865.206	23.520.084.548

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	4.000.193.257	319.111.159
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	2.840.893.364	267.798.369
Thu tiền phạt, bồi thường	965.795.000	47.775.612
Thu nhập khác	193.504.893	3.537.178
Chi phí khác	77.899.570	229.587.832
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định công cụ dụng cụ	-	228.937.003
Chi phí bồi thường, phạt	28.008.378	-
Chi phí khác	49.891.192	650.829
LỢI NHUẬN KHÁC	3.922.293.687	89.523.327

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	15.588.747.433	13.181.744.163
Chi phí nhân công	45.294.703.445	28.980.468.087
Chi phí khấu hao và hao mòn	17.862.524.628	25.416.708.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài và thầu phụ	173.689.521.769	146.259.923.627
Chi phí khác	5.055.750.255	4.712.614.336
TỔNG CỘNG	257.491.247.530	218.551.458.557

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Trụ sở chính sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.368.230.177	6.233.584.710
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Trụ sở chính	1.273.646.035	1.246.716.942
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	201.430.856	871.685.512
Lỗi từ chi nhánh	(240.868.117)	(184.938.897)
Khác	-	(4.549.055)
Chi phí thuế TNDN	1.234.208.774	1.928.914.502

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Trụ sở chính khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Trụ sở chính được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

28.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Trụ sở chính chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản trợ cấp thôi việc phải trả do không trọng yếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan:

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Trụ sở chính có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Trụ sở chính với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Cổ tức công bố	7.046.700.000	21.140.100.000
		Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	50.000.000
		Cho thuê mặt bằng	-	54.545.456
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam tại Hà Nội	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	1.087.029.000
		Thuê dịch vụ vận chuyển	-	20.182.260
Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh	Bên liên quan	Thuê dịch vụ vận chuyển	550.986.818	1.865.633.000
		Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.735.636.365	1.330.427.273
Công ty Cổ phần chứng khoán IB	Bên liên quan	Mua trái phiếu	20.948.164.380	-
		Trái phiếu đáo hạn	15.000.000.000	-
		Lãi đầu tư trái phiếu	351.270.977	2.786.732.641
		Chuyển nhượng trước hạn trái phiếu	-	25.000.000.000
Tổng Công ty thiết bị điện Đông Anh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	20.495.909.091	-
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.010.350.000	-
		Cho thuê phương tiện	562.500.000	-
		Thuê văn phòng	207.951.642	-
		Thuê kho Long An	112.111.290	-
		Cước vận chuyển	17.000.000	-
		Kiểm định	3.554.545	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VND	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Tổng Công ty thiết bị điện Đông Anh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	10.090.000.000	121.000.000
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.157.035.000	-
Công ty TNHH MTV Sotrans Hà Tĩnh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	848.460.000
TỔNG CỘNG			12.247.035.000	969.460.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Bên liên quan	Trái phiếu	-	15.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác				
Ông Đỗ Hoàng Phương	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	2.680.000.000	-
Ông Hồ Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	1.000.000.000	-
TỔNG CỘNG			3.680.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Sotrans Hà Tĩnh	Bên liên quan	Thuê dịch vụ vận chuyển	736.457.500	177.672.000
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Bên liên quan	Thuê kho	13.860.000	-
TỔNG CỘNG			750.317.500	177.672.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.137.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex	Công ty liên doanh	Phải trả khác	816.000.000	816.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG


Trụ sở chính hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:


	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	3.069.344.112	2.687.525.930
Từ 2 đến 5 năm	3.413.483.920	3.413.483.920
Trên 5 năm	9.790.084.493	9.790.084.493
TỔNG CỘNG	<u>16.272.912.525</u>	<u>15.891.094.343</u>

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Trụ sở chính.


Cao Thị Hồng Nhung
Người lập


Thái Thị Ban Mai
Kế toán trưởng


Đỗ Hoàng Phương
Tổng Giám đốc



Ngày 13 tháng 3 năm 2020